

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
8	Tạ Trọng Thắng, Lê Duy Bách, Lê Văn Mạnh, Chu Văn Ngợi, Nguyễn Văn Vượng	2005	Địa kiến tạo đại cương	Đại học Quốc gia Hà Nội

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
9	- Trái Đất - Các quá trình địa động lực	https://www.nationalgeographic.org	14/7/2021
10	- Trái Đất	https://geology.com/	14/7/2021
11	- Thạch quyển - Thủy quyển - Sinh quyển	https://earth.google.com/	14/7/2021
12	- Trái Đất - Thạch quyển	https://www.nasa.gov/	14/7/2021
13	- Trái Đất - Các quá trình địa động lực	https://www.usgs.gov/	14/7/2021
14	Khí quyển	https://www.windy.com/	14/7/2021
15	Thạch quyển, khí quyển, thủy quyển	https://zoom.earth/	14/7/2021

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1				
2				

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Thanh Tường

ThS. Nguyễn Thị Diệu

ThS. Lê Ngọc Hành

12. BẢN ĐỒ HỌC ĐẠI CƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: ĐỊA LÍĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí

Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Bản đồ học đại cương
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Fundamentals of General Cartography
1.3	Mã học phần:	31921022
1.4	Số tín chỉ:	2 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lí thuyết:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	ThS.Nguyễn Thị Diệu
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS.Lê Ngọc Hành
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tự nhiên và Phương pháp giảng dạy
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☒ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp người học nắm vững các kiến thức về bản đồ Địa lí như: đặc điểm của bản đồ Địa lí; cơ sở toán học, các phương pháp thể hiện bản đồ, các nhân tố ảnh hưởng và phương pháp tổng quát hoá, phân loại bản đồ. Đồng thời, rèn luyện kỹ năng thành lập, sử dụng bản đồ trong dạy học và nghiên cứu Địa lí và Lịch sử.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần Bản đồ học đại cương là trang bị cho người học những năng lực bản đồ phục vụ dạy học, nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực Địa lí tại các cơ sở giáo dục và đơn vị nghiên cứu.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Học xong học phần này, người học có:

- **CO1:** Có kiến thức về bản đồ học và sử dụng được bản đồ phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.
- **CO2:** Có năng lực phân tích, giải quyết vấn đề liên quan đến biên tập, biên vẽ, thành lập bản đồ.
- **CO3:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Phân tích được lịch sử phát triển khoa học bản đồ, vai trò của bản đồ, mối quan hệ giữa bản đồ với các khoa học khác.	PI 1.3	M
CLO2	Phân tích được các đặc điểm của bản đồ địa lí. Các yếu tố hình thành tờ bản đồ và phân loại được bản đồ địa lí.	PI 1.4	M
CLO3	Vận dụng được kiến thức về cơ sở toán học, hệ thống kí hiệu của bản đồ để lựa chọn lưới chiếu, phương pháp thể hiện nội dung và phương pháp tổng quát hóa trên các bản đồ thế giới và Việt Nam.	PI 1.4	M

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO4	Thành lập được bản đồ theo mục tiêu định sẵn.	PI 1.4	M
CLO5	Sử dụng được bản đồ trong giảng dạy, nghiên cứu Địa lí và Lịch sử.	PI 2.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	PLO1		PLO2	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO9
	PI 1.3	PI1.4	PI 2.2					
CLO 1	M							
CLO 2		M						
CLO 3		M						
CLO 4		M						
CLO 5			R					

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
----------------------------	---------------------	-----------------------------	------------------------	----------------------------------	--------------------------------	----------------------------------

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần, hoạt động trên lớp trên lớp	P1.1. Trình bày tại lớp	R.01	W1.1 30%	W1 20%	CLO 1, 2, 3, 4, 5
	A1.2 Bài tập thực hành	P1.2. Trình bày tại lớp hoặc gửi Email	R.13	W1.2 40%		CLO 3, 4, 5
	A1.3 Báo cáo thuyết trình nhóm	P1.3. Trình bày tại lớp	R.04	W1.3 20%		CLO 2, 4,5
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	R.06	W2.1 30%	W2 30%	CLO 2, 3
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tự luận	R.06	W3.1 50%	W3 50%	CLO 2, 3, 4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	- Giới thiệu học	2/2/0	- Giới thiệu	* Lên lớp:	A1.1	CLO 1

1	phần. - Chương 1. Khái niệm chung về bản đồ học 1.1. Khái niệm bản đồ học. 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu. 1.3. Những bộ môn cơ bản của khoa học bản đồ. 1.4. Mối quan hệ giữa bản đồ học với khoa học khác. 1.5. Vai trò của bản đồ. 1.6. Lược sử phát triển của khoa học bản đồ.		vị trí và vai trò của môn học trong CTĐT của ngành; CĐR môn học, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá, nội dung học phần. - Thuyết trình - Sơ đồ tư duy 1.4	+ Nghe giảng nội dung 1.1; 1.3, 1.4, 1.6. + Thảo luận nội dung 1.2, 1.5 + Tự học 1.6- * Ở nhà: + Đọc [1] từ trang [tr.7 – 20] + Đọc [5] từ trang [tr.13 – 23] - Đọc trước chương 2, TLTK [5] từ [trang 23 -34]		
2	Chương 2: Bản đồ địa lí 2.1. Định nghĩa bản đồ Địa lí 2.2. Những đặc điểm cơ bản của bản đồ Địa lí 2.3. Những yếu tố hình thành bản đồ Địa lí 2.4. Ý nghĩa của bản đồ Địa lí.	2/1/1	- Thuyết trình - Tổ chức hoạt động nhóm phân tích yếu tố hình thành bản đồ Địa lí - Sơ đồ tư duy 2.3	+ Nghe giảng nội dung 2.1, 2.2 + Thảo luận nhóm nội dung 2.3 + Tự học nội dung 2.4. + Đọc [1] từ trang [tr.20 – 24] + Đọc trước chương 3, TLTK [5] từ [tr.35 -93]	A1.1 A1.2	CLO2
3	Chương 2: Bản đồ địa lí	2/1/1	- Thuyết trình	+ Nghe giảng nội dung 2.1,	A1.1 A1.2	CLO2

	2.3.Những yếu tố hình thành bản đồ Địa lí 2.4.Ý nghĩa của bản đồ Địa lí.		- Tổ chức hoạt động nhóm phân tích yếu tố hình thành bản đồ Địa lí - Sơ đồ tư duy 2.3	2.2 + Thảo luận nhóm nội dung 2.3 + Tự học nội dung 2.4. + Đọc [1] từ trang [tr.20 – 24] + Đọc trước chương 3, TLTK [5] từ [tr.35 -93]		
4	Chương 3. Cơ sở toán học của bản đồ địa lí 3.1. Hình dạng và kích thước Trái đất 3.2. Tỷ lệ bản đồ	2/1/1	- Thuyết trình. - Giao bài tập xác định tỉ lệ, xây dựng thước tỉ lệ	- Nghe giảng và ghi chép nội dung 3.1; 3.2,. - Làm bài tập cá nhân + Đọc [1] từ trang [tr.25 – 50] + Đọc trước chương 4, TLTK [5] từ [tr.94-114]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO 3
5	Chương 3. Cơ sở toán học của bản đồ địa lí 3.3. Phép chiếu hình bản đồ 3.3.1. Khái niệm phép chiếu bản đồ. 3.3.2. Biến dạng bản đồ 3.3.3. Phân loại phép chiếu hình bản đồ	2/1/1	- Thuyết trình. - Tổ chức hoạt động nhóm Phân tích lưới chiếu trên bản đồ thế giới và Việt Nam	- Nghe giảng và ghi chép, đặt các câu hỏi cần thiết. - Bài tập cá nhân thực hành nội dung 3.3.4. - Thảo luận nội dung 3.3.4 + Đọc [1] từ trang [tr.25 – 50]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO 3

	3.3.4. Một số phép chiếu bản đồ thường dùng			+ Đọc trước chương 4, TLTK [5] từ [tr.94-114]		
6	Chương 3. Cơ sở toán học của bản đồ địa lí 3.4.Hệ thống phân mảnh và danh pháp bản đồ. 3.5. Khung và bố cục bản đồ.	2/0/2	- Thuyết trình. - Làm bài tập thực hành xác định số hiệu và danh pháp bản đồ.	- Nghe giảng và ghi chép. - Bài tập cá nhân thực hành nội dung 3.4. - Tự học nội dung 3.5 + Đọc [1] từ trang [tr.25 – 50] + Đọc trước chương 4, TLTK [5] từ [tr.94-114]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO 3
7	Chương 4: Kí hiệu bản đồ- các phương pháp biểu hiện bản đồ 4.1. Kí hiệu bản đồ. 4.2. Các phương pháp biểu hiện bản đồ	6/3/3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm. - Lớp học đảo ngược 4.2 (thiết kế 1 số kí hiệu bản đồ)	+ Nghe giảng nội dung 4.1, 4.2 và thực hành nội dung 4.2. + Xem Video bài giảng để làm bài tập cá nhân thiết kế 1 số loại kí hiệu bản đồ. + Thảo luận nhóm nội dung 4.1 + Đọc [1] từ trang [tr.50 – 97] + Đọc trước chương 5, TLTK [5] từ	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A3.1	CLO 3

				[tr.115-126]		
8	Kiểm tra giữa kì				A2.1	CLO 2, 3
9	Chương 4: Kí hiệu bản đồ- các phương pháp biểu hiện bản đồ 4.1. Kí hiệu bản đồ.	2/1/1	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm. - Lớp học đảo ngược 4.2 (thiết kế 1 số kí hiệu bản đồ)	+ Nghe giảng, ghi chép và đặt các câu hỏi cần thiết. + Xem Video bài giảng để làm bài tập cá nhân thiết kế 1 số loại kí hiệu bản đồ. + Thảo luận nhóm nội dung 4.1 + Đọc [1] từ trang [tr.50 – 97] + Đọc trước chương 5, TLTK [5] từ [tr.115-126]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO 3
10	Chương 4: Kí hiệu bản đồ- các phương pháp biểu hiện bản đồ 4.2. Các phương pháp biểu hiện bản đồ	2/1/1	- Thuyết trình - Lớp học đảo ngược 4.2 (thể hiện đối tượng điểm, đường, vùng bằng các phương pháp thể hiện bản đồ)	+ Nghe giảng và ghi chép. + Xem Video bài giảng để làm bài tập cá nhân thiết kế 1 số loại kí hiệu bản đồ. + Đọc [1] từ trang [tr.50 – 97] + Đọc trước chương 5, TLTK [5] từ [tr.115-126]	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A3.1	CLO 3

11	Chương 5. Tổng quát hoá bản đồ 5.1. Khái quát tổng quát hoá bản đồ 5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổng quát hoá bản đồ. 5.3. Các phương pháp tổng quát hoá bản đồ. 5.4. Ảnh hưởng của tổng quát hoá đến lựa chọn các phương pháp biểu hiện bản đồ.	2/2/0	- Thuyết trình - Tổ chức nhóm phân tích các phương pháp tổng quát hóa	+ Nghe giảng nội dung 5.1; 5.2; 5.4 + Thảo luận nhóm nội dung 5.3. + Đọc [1] từ trang [tr.98 – 104] + Đọc trước chương 5, TLTK [5] từ [tr.25-28]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO 3
12	Chương 6. Phân loại bản đồ 6.1. Phân loại bản đồ và nguyên tắc phân loại. 6.2. Các hệ thống phân loại bản đồ Địa lí . 6.3. Các kiểu bản đồ Địa lí .	2/2/0	- Thuyết trình, Đàm thoại, gợi mở.	+ Nghe giảng nội dung 6.1; 6.2 + Đọc [1] từ trang [tr.104 – 108]	A1.1	CLO2
13	Chương 7. Thành lập và sử dụng bản đồ 7.1. Thành lập bản đồ Địa lí .	2/0/2	- Thuyết trình và sơ đồ tư duy các phương pháp thành lập bản đồ. - Lớp học đảo ngược 7.1	+ Nghe giảng nội dung 7.1, 7.2 + Xem Video bài giảng và làm bài tập thực hành ở nhà nội dung 7.2 + Đọc [1] từ trang [tr.108 – 145]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO4 5
14	Chương 7. Thành	2/0/2	- Thuyết	+ Nghe giảng	A1.1	CLO4

	lập và sử dụng bản đồ 7.1. Thành lập bản đồ Địa lí .		trình và sơ đồ tư duy các phương pháp thành lập bản đồ. - Lớp học đảo ngược 7.1 - Thực hành sử dụng bản đồ.	và ghi chép. + Xem Video bài giảng và làm bài tập thực hành ở nhà nội dung 7.1 + Đọc [1] từ trang [tr.108 – 145]	A1.2 A1.3	5
15	Chương 7. Thành lập và sử dụng bản đồ 7.2. Sử dụng bản đồ Địa lí	2/0/2	- Thuyết trình và sơ đồ tư duy các phương pháp thành lập bản đồ. - Thực hành sử dụng bản đồ.	+ Nghe giảng nội dung 7.1, 7.2 + Xem Video bài giảng và làm bài tập thực hành ở nhà nội dung 7.2 + Đọc [1] từ trang [tr.108 – 145]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO4 5
16	Chương 7. Thành lập và sử dụng bản đồ 7.2. Sử dụng bản đồ Địa lí	2/0/2	- Thực hành sử dụng bản đồ.	+ Làm thực hành sử dụng bản đồ. + Đọc [1] từ trang [tr.108 – 145]	A1.1 A1.2 A1.3	CLO4 5
17	Kiểm tra cuối kì				A3.1	CLO 2, 3, 4,

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lâm Quang Dốc, Phạm Ngọc Đĩnh, Vũ Bích Vân, Nguyễn Minh Ngọc	2010	<i>Bản đồ học đại cương</i>	NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội,
2	Lâm Quang Dốc	2005	<i>Bản đồ học</i>	NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội
3	Lê Văn Thơ (chủ biên), Phan Đình Bình, Nguyễn Quý Ly	2017	<i>Giáo trình Bản đồ học</i>	NXB Nông Nghiệp Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Trần Tấn Lộc – Lê Tiến Thuận	2014	<i>Bản đồ học chuyên đề</i>	NXB Đại học Quốc gia, TP HCM
5	Nguyễn Thế Việt, Bùi Tiến Diệu, Bùi Ngọc Quý, Đỗ Thị Phương Thảo, Trần Quỳnh An	2012	<i>Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ</i>	NXB Khoa học và Kỹ thuật

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Xem bản đồ trực tuyến kết hợp bởi Google Map và hệ thống Wiki	https://wikimapia.org/	17/07/2021
2	Xem bản đồ trực tuyến	https://earth.google.com	17/07/2021

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
--------------------	----------------------	-----------------------------

TS. Nguyễn Thanh Tường	ThS. Nguyễn Thị Diệu	ThS. Nguyễn Thị Diệu
-------------------------------	-----------------------------	-----------------------------

13. ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: ĐỊA LÝ

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Introduction to social – economic geography
1.3	Mã học phần:	31931004
1.4	Số tín chỉ:	3 TC
1.5.	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	2 TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	1 TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0 TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6.	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Trương Văn Cảnh
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Đoàn Thị Thông
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Địa lý kinh tế - xã hội
1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☒ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Địa lí kinh tế - xã hội đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành sư phạm Địa lí. Đây là điểm khởi đầu, là phần “nhập môn” cho toàn bộ kiến thức địa lí kinh tế- xã hội, là cơ sở để sinh viên có khả năng tiếp thu phần khác như địa lí kinh tế- xã hội thế giới, địa lí kinh tế- xã hội Việt Nam. Học phần này xoay quanh các nội dung về dân cư và đô thị hóa, về những vấn đề chung của nền kinh tế; về vai trò, đặc điểm phân bố và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần là cung cấp cho người học những kiến thức về những vấn đề dân cư và đô thị hóa, những vấn đề chung của nền kinh tế; về vai trò, đặc điểm phân bố và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức về sự khác biệt không gian của các đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư, đặc điểm đô thị hóa trên thế giới.

- **CO2:** Có kiến thức về các chỉ số đo lường và đánh giá sự phát triển kinh tế, sự phân chia các nhóm nước trên thế giới và hệ thống không gian của nền kinh tế, về đặc điểm phân bố không gian và xu hướng phát triển của các ngành kinh tế cơ bản thuộc 3 nhóm ngành kinh tế lớn là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

- **CO3:** Có các kỹ năng Địa lí cần thiết như thu thập, xử lý và phân tích số liệu, kỹ năng bản đồ - biểu đồ.

- **CO4:** Có kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình nhằm truyền đạt vấn đề đến người khác.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Đóng góp cho PI	Mức độ đạt cho PI
CLO1	Phân tích được sự khác biệt không gian của các đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư, đặc điểm đô thị hóa trên thế giới.	PI1.2	R,A
CLO2	Phân tích được các chỉ số đo lường và đánh giá sự phát triển kinh tế, sự phân chia các nhóm nước trên	PI1.2	R,A

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Đóng góp cho PI	Mức độ đạt cho PI
	thế giới và hệ thống không gian của nền kinh tế.		
CLO3	Phân tích được đặc điểm phân bố không gian và xu hướng phát triển của các ngành kinh tế cơ bản thuộc 3 nhóm ngành kinh tế lớn là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.	PI1.2	R,A
CLO4	Thực hiện được các kỹ năng Địa lí cần thiết như thu thập, xử lý và phân tích số liệu, kỹ năng xây dựng biểu đồ.	PI3.2	R
CLO5	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình nhằm truyền đạt vấn đề đến người khác.	PI7.3	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	PLO1 PI1.2	PLO2	PLO3 PI3.2	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7 PI7.3	PLO8
CLO 1	R,A							
CLO 2	R,A							
CLO3	R,A							
CLO4			R					
CLO5							R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	P1.1. Đánh giá chuyên cần	R.01	W1.1 30%	W1 20%	CLO 1,2,3,4
	A1.2. Bài tập ngắn trên lớp	P1.1. Trình bày tại lớp	R.06	W1.2 70%		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Kiểm tra giữa kỳ	P2.1. Tiểu luận	R.02	W2.1 100%	W2 30%	CLO 1,2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Kiểm tra cuối kỳ	P3.1. Trắc nghiệm		W3.1 100%	W3 50%	CLO 1,2,3

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Địa lí dân cư và đô thị hóa 1.1. Biến động dân số	3 (3/0/0)	- Thuyết trình và giải quyết vấn đề - Đàm thoại gợi mở	- Sinh viên đọc [1], chương 3, trang 83-113 - Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO 1,4,5
2	Chương 1: Địa lí dân cư và đô thị hóa 1.2. Cơ cấu dân số	3 (3/0/0)	- Thuyết trình và giải quyết vấn đề	- Sinh viên đọc [1], chương 3, trang 113	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO 1,4,5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học phần liên
			- Đàm thoại gọi mở	- 120 - Làm bài tập cá nhân		
3	Chương 1: Địa lí dân cư và đô thị hóa 1.3. Di cư và đô thị hóa	3 (3/0/0)	- Thuyết trình và giải quyết vấn đề - Đàm thoại gọi mở	- Sinh viên đọc [1], chương 3, trang 132 - 147 - Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO 1,4,5
4	Chương 2: Một số vấn đề nền kinh tế 2.1. Đo lường và đánh giá phát triển kinh tế	3 (3/0/0)	- Thuyết trình và giải quyết vấn đề - Đàm thoại gọi mở	- Sinh viên đọc [1], chương 6, trang 193 - 200 - Làm bài tập cá nhân	A1.1, A1.2, A2.1 A3.1	CLO 2,4,5
5	Chương 2: Một số vấn đề nền kinh tế 2.2. Cơ cấu nền kinh tế	3 (3/0/0)	- Thuyết trình và giải quyết vấn đề - Đàm thoại gọi mở	- Sinh viên đọc [1], chương 6, trang 203 - 211 - Làm bài tập cá nhân	A1.1, A1.2, A2.1 A3.1	CLO 2,4,5
6	Chương 2: Một số vấn đề nền kinh tế 2.3. Hệ thống không gian của nền kinh tế	3 (3/0/0)	- Thuyết trình và giải quyết vấn đề - Đàm thoại gọi mở	- Sinh viên đọc [1], chương 6, trang 212 - 220 - Làm bài tập cá nhân	A1.1, A1.2, A2.1 A3.1	CLO 2,4,5
7	Chương 3: Địa lí nông-lâm- ngư nghiệp 3.1. Những vấn đề chung 3.2. Địa lí các ngành nông nghiệp	3 (3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 7, trang 223 – 250	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1	CLO 3,4

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học phần liên
				- Làm bài tập nhóm		
	Kiểm tra giữa kì				A2.1	CLO1,2
8	Chương 3: Địa lí nông-lâm-nghư nghiệp 3.2. Địa lí các ngành nông nghiệp	3 (3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 7, trang 250 – 270 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4
9	Chương 3: Địa lí nông-lâm-nghư nghiệp 3.2. Địa lí các ngành nông nghiệp 3.3. Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	3 (3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 7, trang 270 – 308 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4
10	Chương 4: Địa lí công nghiệp 4.1. Những vấn đề chung 4.2. Địa lí các ngành công nghiệp	3(3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 8, trang 309 – 330 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4
11	Chương 4: Địa lí công nghiệp 4.2. Địa lí các ngành công nghiệp	3(3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 8, trang 331 – 350 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4
12	Chương 4: Địa lí công nghiệp 4.2. Địa lí các ngành công nghiệp 4.3. Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp	3(3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 8, trang 350 – 380 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4
13	Chương 5. Địa lí dịch vụ 5.1. Những vấn đề chung 5.2. Địa lí giao thông vận tải	3(3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 9, trang 383 – 420 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học phần liên
14	Chương 5. Địa lí dịch vụ 5.2. Địa lí giao thông vận tải	3 (3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 9, trang 420 - 450 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4
15	Chương 5. Địa lí dịch vụ 5.3. Địa lí thương mại	3 (3/0/0)	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc [1], chương 9, trang 450 - 470 - Làm bài tập nhóm	A1.1, A1.2, A3.1	CLO 3,4
	Kiểm tra cuối kì				A3.1	CLO1,2,3

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên)	2006	Giáo trình địa lí kinh tế - xã hội đại cương	Nxb Đại học sư phạm
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Phi Hạnh, Đặng Ngọc Lân	1980	Địa lí cây trồng	NXB Giáo dục
3	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ	2000	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam	NXB Giáo dục
4	Nguyễn Minh Tuệ	1995	Một số vấn đề về địa lí công nghiệp	Vụ Giáo viên. Bộ Giáo dục & Đào tạo
5	Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức	2002	Địa lí kinh tế- xã hội Việt Nam. Tập I.	NXB Giáo dục
6	James M. Rubenstein	2017	The Cultural Landscape: An Introduction to Human Geography	Pearson Publisher
7	Erin H. Fouberg,	2015	Human Geography: People,	Wiley Publisher

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Alexander B. Murphy		Place, and Culture	
8	Arthur Getis, Jerome D Fellmann, and Judith Getis	2003	Human Geography: Landscapes of Human Activities	McGraw-Hill Publisher
9	Jeffrey D. Sachs	2015	The Age of Sustainable Development	Columbia University Press

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
10	Dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội Việt Nam	https://www.gso.gov.vn/	10/07/2021
11	Dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội thế giới	https://data.worldbank.org/	10/07/2021
12	Dữ liệu phân tích KT-XH thế giới	https://ourworldindata.org/	10/07/2021

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

P.Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Trần Thị Ân

TS. Nguyễn Thanh Tường

TS. Trương Văn Cảnh

14. NHẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: LỊCH SỬ

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Nhập môn Lịch sử và Địa lí
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Elementary of History Science and Geography Science
1.3	Mã học phần:	31821079
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	2TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Trương Anh Thuận TS. Nguyễn Văn Thái
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Đặng Thị Thuỳ Dương ThS. Trương Trung Phương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và PPDH
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Nhập môn Lịch sử và Địa lí là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý. Nội dung học phần bao gồm những hiểu biết cơ bản về khoa học lịch sử, địa lí như: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học, địa lí học; các phương pháp nghiên cứu sử học, địa lí học; khái lược lịch sử hình thành và phát triển của sử học và địa lí học trên thế giới cũng như ở Việt Nam, cũng như những tính chất, phương pháp đặc thù của từng khoa học mà sinh viên cần phải biết để vận dụng vào công việc nghiên cứu, giảng dạy sau này.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần Nhập môn Lịch sử và Địa lí là trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về ngành khoa học mà mình đang học tập, nghiên cứu, từ đó đặt nền tảng cho việc tiếp cận các học phần chuyên ngành Lịch sử và Địa lí ở các học kì tiếp theo.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Học xong học phần này, người học có:

- **CO1:** Kiến thức về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, quá trình phát triển của sử học và Địa lí học.
- **CO2:** Kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu để tiếp cận với các vấn đề trong nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử, Địa lí.
- **CO3:** Kỹ năng đánh giá, nhận xét các sự kiện, hiện tượng lịch sử; vấn đề đại lí một cách khách quan khoa học.
- **CO4:** Thế giới quan khoa học đúng đắn để tiếp cận đúng các vấn đề lịch sử và địa lí.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Phân tích được mối quan hệ giữa sử học với chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các ngành khoa học khác.	PI1.2	R
CLO2	Phân tích được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Khoa học Lịch sử và Khoa học Địa lí.	PI1.5	M

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO3	Phân tích được đặc điểm quá trình phát triển của Khoa học Lịch sử và Khoa học Địa lí.	PI1.5 PI2.1	M I
CLO4	Vận dụng những hiểu biết về các vấn đề lí luận Sử học, Địa lí để giải thích, nghiên cứu, dạy học lịch sử, địa lí.	PI1.2 PI1.4 PI1.5 PI5.1 PI5.2	R R M I I

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1			PLO1	PLO5	
	PI1.2	PI1.4	PI1.5	PI2.1	PI5.1	PI5.2
CLO 1	R					
CLO 2			M			
CLO 3			M	I		
CLO 4	R,A		M		I	I

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	P1.1. Quan sát	R1.1	W1.1 50%	W1 20%	CLO 1, 2, 3, 4
	A1.2 Tham gia các hoạt động trên lớp	P1.2. Quan sát	R1.2	W1.2 50%		CLO 1, 2, 3, 4
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	R.06	W2.1 100%	W2 30%	CLO 1
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tự luận	R.06	W3.1 100%	W3 50%	CLO 2, 3

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2 tiết /buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Những hiểu biết cơ bản về Khoa học	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp:	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp:	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4

	Lịch sử 1.1. Lịch sử là một khoa học; Đối tượng và nội dung nghiên cứu của khoa học lịch sử		+ Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	+ Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao		
2	1.2. Vai trò xã hội và ý nghĩa của khoa học lịch sử; Tính Đảng vô sản trong nghiên cứu lịch sử	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4
3	1.3. Vận dụng phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong công tác sử học; Khoa học	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO 1, 2, 3, 4

	lịch sử và giáo dục lịch sử ở trường phổ thông		+ Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp			
4	Chương 2. Sơ lược lịch sử phát triển của Khoa học Lịch sử 2.1. Sự ra đời và phát triển của những quan niệm sử học thời cổ đại; Sử học trong thời kỳ thống trị của phong kiến	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4
5	2.2. Sử học trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa; Sự phát triển của Sử học Mác-xít	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4

			bản: trực tiếp trên lớp			
6	Chương 3. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng vào việc học tập và nghiên cứu lịch sử 3.1. Nội dung và bản chất của quan niệm duy vật về lịch sử	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4
7	2.2. Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng vào việc nghiên cứu, học tập lịch sử	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4
8	Kiểm tra giữa kì		Tự luận		A2.1	CLO 1

9	3.3. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội; Sự phát triển hợp quy luật của xã hội	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4
10	3.4. Quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử 3.5. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển lịch sử	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [4], [5], [6], [7]. - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4
11	Chương 4. Địa lí là một hệ thống các	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [3], [8], [9], [10]	A1.2	CLO 3, 4

	khoa học 4.1. Địa lí học (ĐLH) hiện đại 4.2. Cấu trúc của hệ thống KHDL		hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao		
12	4.3. Quan hệ giữa ĐLH và các khoa học khác 4.4. Phương pháp luận và hệ phương pháp trong ĐLH	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [3], [8], [9], [10] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.2	CLO 3, 4
13	4.5. Địa lí học trong nhà trường	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học:	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [3], [8], [9], [10] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.2	CLO 3, 4

			+ Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp			
14	Chương 5. Các giai đoạn phát triển chính của Địa lí học 5.1. Sự phát triển của các ý niệm Địa lí trong thế giới cổ đại 5.2. Thời kỳ trung cổ-Địa lí học suy đồi (TK V-XV sau CN)	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [3], [8], [9], [10] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.2	CLO 3, 4
15	5.3. Các công cuộc phát kiến Địa lí vĩ đại (cuối TK XV- TK XVII)	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học:	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [3], [8], [9], [10] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.2	CLO 3, 4

			+ Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp			
16	5.4. Khoa học Địa lí từ TK XVIII-đầu TK XX 5.5. Địa lí học thời kỳ hiện đại	2/0/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [3], [8], [9], [10] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.2	CLO 3, 4
17	Kiểm tra cuối kì		Ra đề tự luận	Tham gia làm bài kiểm tra	A3.1	CLO 2, 3

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Văn Sáu, Trương Hữu Quýnh, Phan Ngọc Liên	1987	Nhập môn sử học	NXB Giáo dục
2	Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng, Trần Đức Minh, Tạ Ngọc Minh	2004	Nhập môn Sử học	NXB ĐHSP

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản		NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
3	Nguyễn Trọng Hiếu, Phùng Ngọc Đĩnh	2006	Địa lý tự nhiên đại	cương tập 1	NXB Đại học Sư phạm
Sách, giáo trình tham khảo					
4	Phan Ngọc Liên	2003	Phương pháp luận sử học,		NXB ĐHSP
5	Phan Ngọc Liên	1992	Hồ Chí Minh với Lịch sử		NXB Thuận Hóa
6	Phan Ngọc Liên, Nguyễn Ngọc Cơ, Nguyễn Cảnh Minh	2005	Lịch sử sử học Việt Nam		NXB Đại học Sư phạm
7	Lê Bá Thảo	1983	Cơ sở Địa lý tự nhiên tập II		NXB Giáo dục
8	Nguyễn Minh Tuệ	2006	Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội đại cương		Nxb Đại học sư phạm
9	Nguyễn Đức Mậu	1973	Cơ sở Địa lý kinh tế		NXB Giáo dục
10	Hoàng Ngọc Oanh	2000	Đại cương khoa học Trái Đất		NXB Đại học Quốc gia

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
11	Quan tâm phát triển nền sử học Việt Nam	https://nhandan.vn/khoa-hoc/quan-tam-phat-trien-nen-su-hoc-viet-nam-278939	21/06/2021
12	Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: Phát triển ngày càng vững mạnh	https://kienthuc.net.vn/tin-vusta/hoi-khoa-hoc-lich-su-viet-nam-phat-trien-ngay-cang-vung-manh-1549682.html	21/06/2021

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1				

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

ThS. Trương Trung Phương

TS. Trương Anh Thuận

TS. Trương Anh Thuận

15. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA: LỊCH SỬ Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Thực tế chuyên môn
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Professional field trip
1.3	Mã học phần:	31821849
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	2TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Khoa Lịch sử
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa Lịch sử
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học Lịch sử thế giới Địa lí tự nhiên và phương pháp dạy học Địa lí kinh tế - xã hội
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Trải nghiệm thực tế để tiếp thu và vận dụng kiến thức là một trong những xu hướng dạy học mới hiện nay. Thông qua hoạt động ý nghĩa này không chỉ góp phần thay đổi không gian học tập, tăng cường hứng thú học tập của sinh viên mà còn giúp sinh viên có được cơ hội tốt để trau dồi kiến thức, chuyên môn từ thực tiễn và có thêm nhiều nguồn tư liệu, kiến thức mới cũng như kinh nghiệm tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử, địa lí ở trường phổ thông hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Tham quan thực tế là một trong những học phần giúp sinh viên trải nghiệm tại những di tích, địa điểm lịch sử, cách mạng, văn hóa, vườn quốc gia, hệ sinh thái trên khắp mọi miền của Việt Nam. Từ đó, giúp sinh viên có điều kiện vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, sưu tầm thêm các nguồn tư liệu và có thêm những kinh nghiệm tổ chức các hoạt động trải nghiệm để vận dụng vào quá trình giảng dạy về sau.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về các di tích lịch sử, cách mạng, văn hóa và tiềm năng thế mạnh về tự nhiên, kinh tế, xã hội ở các vùng miền khác nhau ở Việt Nam.
- **CO2:** Kiến thức để tổ chức một hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí.
- **CO3:** Khả năng vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và xử lý tình huống trong thực tiễn.

CO4: Thể hiện được ý thức gìn giữ, phát huy các tiềm năng, thế mạnh về tự nhiên, kinh tế, xã hội và các truyền thống, văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
CLO1	Tổng hợp, sưu tầm các nguồn tư liệu lịch sử hỗ trợ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu	PI2.3	R
		PI8.3	M
CLO2	Thực hiện báo cáo thực tế chuyên môn liên quan đến đề tài nghiên cứu về sử dụng các tư liệu lịch sử trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	PI5.1	R,A
		PI5.2	R,A

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
CLO3	Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tế lịch sử	PI6.2	M
CLO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm trong việc tham gia hoạt động tham quan, học tập và sinh hoạt trong đoàn thực tế,	PI8.2	R,A
CLO5	Thể hiện ý thức trách nhiệm trong việc phát huy những bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển tiềm năng của đất nước	PI7.2 PI8.2	M R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	PLO2	PLO5		PLO6	PLO7	PLO8	
	PI2.3	PI5.1	PI5.2	PI6.2	PI7.2	PI8.2	PI8.3
CLO 1	R						M
CLO 2		R,A	R,A				
CLO 3				M			
CLO 4							
CLO 5					M	R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Đánh giá thái độ học tập	P1.1. Quan sát.	R.01	W1.1. 100%	W1. 20%	CLO 4
A2. Đánh giá giữa kì	A2.1. Kiểm tra giữa kì	P1.1. Tự luận	Theo đáp án của đề	W2.1. 100%	W2. 30%	CLO5
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Kiểm tra cuối kỳ	P2.1. Bài tiểu luận	R.02	W1.1. 100%	W3. 50%	CLO2

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số buổi thực tế;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của giảng viên hướng dẫn;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện chuyển đi thực tế;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Ngày thực tế	Nội dung chi tiết của hoạt động thực tế	Số tiết (LT/THL1/THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Hoạt 1: Quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung và phương pháp thực tế lịch sử 1.1. Mục đích, yêu cầu thực tế lịch sử 1.2. Nội dung	0/15/0	Giảng viên triển khai lại mục đích, yêu cầu và quy định của chuyến đi thực tế.	Sinh viên lắng nghe, ghi chép và phản hồi lại những vấn đề chưa hiểu rõ.	A1.1, A1.2	CLO4

	thực tế 1.3. Phương pháp thực hiện chuyên đi thực tế.					
1-9	Hoạt động 2: Thực tế lịch sử 2.1. Giới thiệu về các Địa bàn thực tế ở Việt Nam và những yêu cầu khi đến tham quan thực tế. 2.2. Phân công nhóm thực tế và yêu cầu của mỗi nhóm khi đến các địa điểm rtham quan thực tế.	0/40/0	Giảng viên tổ chức: - Định hướng các hoạt động tham quan, học tập tại các địa điểm thực tế của đoàn sinh viên. - Quản lý và hỗ trợ giải quyết các tình huống phát sinh.	Sinh viên thực hiện: - Tìm hiểu trước các nguồn tài liệu về các địa điểm thực tế. - Tích cực tham gia học tập sưu tầm tài liệu tại các địa điểm thực tế. - Thực hiện đúng quy định của chương trình thực tế về thời gian lên xe, thời gian học tập tại các địa điểm.	A1.1, A1.2	CLO2, 3
Sau chuyến đi thực tế 3 ngày	Hoạt động 3: Báo cáo và đánh giá giữa kì	A2.1	Giảng viên tổ chức: - Giới thiệu đề tài báo cáo thực tế. - Xác định thời gian nộp báo cáo thực tế.	Sinh viên thực hiện: - Tổng hợp các nguồn tư liệu, hỗ trợ các hoạt động dạy học và nghiên cứu lịch sử		CLO1, 2,3
Sau chuyến đi thực tế 1 tuần	Hoạt động 4: Báo cáo và đánh giá kết quả thực tế	A3.1.	Giảng viên tổ chức: - Giới thiệu đề tài báo	Sinh viên thực hiện: - Hoàn thành và nộp báo cáo thực		CLO5

	lịch sử 3.1. Hoàn thành Báo cáo kết quả thực tế 3.2. Đánh giá kết quả thực tế		cáo thực tế. - Xác định thời gian nộp báo cáo thực tế.	tế đúng quy định.		
--	---	--	--	-------------------	--	--

8. Học liệu

- Sinh viên chủ động tìm hiểu và tiếp cận trước một số kiến thức liên quan đến địa điểm mà đoàn thực tế sẽ đến tham quan và học tập.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

ThS. Trương Trung Phương

TS. Trương Anh Thuận

ThS. Đặng Thị Thùy Dương

16. MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: ĐỊA LÝĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý

Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Môi trường và phát triển bền vững
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Environment and sustainable development
1.3	Mã học phần:	31521014
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	2TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	2TC (60 tiết)
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Nguyễn Thị Kim Thoa
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Lê Ngọc Hành
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tổ Địa lý tự nhiên và phương pháp giảng dạy
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Môi trường và phát triển bền vững là học phần chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về môi trường, các vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Học phần bao gồm các nội dung như giới thiệu những vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên, các vấn đề môi trường toàn cầu và ở Việt Nam hiện nay; chức năng của môi trường, mục tiêu của giáo dục vì sự phát triển bền vững. Phát triển bền vững và mục tiêu của phát triển bền vững. Các vấn đề môi trường với phát triển bền vững.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, những vấn đề toàn cầu hiện nay, gắn kết những vấn đề môi trường và phát triển bền vững, tạo cơ sở để người học có thể giảng dạy và có nền tảng tổ chức các hoạt động ngoại khóa vấn đề về môi trường. Đồng thời làm cơ sở nghiên cứu những lĩnh vực khác như quản lý khoa học - công nghệ và môi trường, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn.

3.2. Mục tiêu cụ thể (*Course Objectives: COs*)

- **CO1:** Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành sư phạm Lịch sử - Địa lý những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, tài nguyên, tương lai bền vững, giáo dục vì sự phát triển bền vững và các vấn đề môi trường toàn cầu. Mô hình phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững.

- **CO2:** Trang bị cho sinh viên các vấn đề môi trường như dân số, an ninh lương thực, du lịch, nông nghiệp, cộng đồng, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, phụ nữ, văn hóa, tri thức bản địa với phát triển bền vững

- **CO3:** xây dựng được cơ bản kế hoạch hoạt động về giáo dục môi trường vì sự phát triển bền vững trong nhà trường và cộng đồng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu sau này. Đồng thời thể hiện được tính tư duy sáng tạo và tổ chức hoạt động hiệu quả.

- **CO4:** ý thức được việc cần thiết phải giữ gìn và bảo vệ tài nguyên và môi trường, tích cực hỗ trợ cộng đồng góp phần phát triển bền vững.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (*Course Learning Outcomes: CLOs*)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Trình bày được các khái niệm môi trường, tài nguyên, phát triển bền vững, tương lai bền vững, giáo dục vì sự phát triển bền vững và các vấn đề đang diễn ra trên toàn cầu.	1.2	M
CLO2	Phân tích được các chức năng cơ bản của môi trường; đặc điểm tài nguyên thiên nhiên; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường; bản chất, mục tiêu của giáo dục vì sự phát triển bền vững và tầm quan trọng đối với các vấn đề con người và giáo dục trong tương lai.	1.2	M
CLO3	Phân tích được mối quan hệ giữa các vấn đề môi trường như dân số, an ninh lương thực, du lịch, nông nghiệp, cộng đồng, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, phụ nữ, văn hóa, tri thức bản địa với phát triển bền vững	1.2	M
CLO4	Phân tích được mô hình của phát triển bền vững và các mục tiêu của phát triển bền vững.	6.3	I
CLO5	Xây dựng được kế hoạch, hoạt động giáo dục môi trường vì sự PTBV để tổ chức hoạt động ngoại khóa hoặc các chương trình có liên quan trong cộng đồng.	6.2	M,A
CLO6	Thể hiện được ý thức trách nhiệm cá nhân và tập thể trong gìn giữ các tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, biết quan tâm và hỗ trợ cộng đồng góp phần phát triển bền vững.	8.3	M,A
CLO7	Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm để báo cáo, thuyết trình các vấn đề và tổ chức sáng tạo hoạt động hiệu quả.	8.3	M,A

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	PLO1	PLO6		PLO7	PLO8
	PI 1.2	PI 6.2	PI 6.3		PI 8.3
CLO 1	M				

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	PLO1	PLO6		PLO7	PLO8
	PI 1.2	PI 6.2	PI 6.3		PI 8.3
CLO 2	M				
CLO 3	M				
CLO 4			I		
CLO 5		M, A			
CLO 6					R,A
CLO 7					R,A

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí/ Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Bài tập ngắn trên lớp.	P1.1. Đánh giá thông qua kết quả kiểm tra.	R.06	W1.1 30%	W1 20%	CLO 2
	A1.2. Báo cáo nhóm.	P1.2. Đánh giá thông qua thuyết trình trên lớp.	R.04	W1.2 30%		CLO 2, 3,6,7
	A1.3. Chuyên cần - Tham gia hoạt động	P1.3. Phát biểu, tham gia các hoạt động dạy –	R.01	W1.3 40%		CLO 1, 2,3,4,5,6

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí/ Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
		học				
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Kiểm tra giữa kỳ	P2. Tiểu luận cá nhân	R.03	W2 100%	W2 30	CLO 2, 6
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Kiểm tra cuối kỳ	P3. Tự luận	R.06 Theo đáp án và thang chấm	W3 100%	W3 50%	CLO 3, 4, 5

6..2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về môi trường 1.1. Khái niệm và phân loại	2/0/0	- GV giới thiệu về môn học: mục tiêu, CDR; phương pháp đánh giá và các điều kiện học tập. - Chia nhóm	Học ở lớp: - Nghe giảng và tham gia xây dựng bài. - SV thảo luận theo cặp và chia sẻ về mối quan hệ giữa môi	A1.3	CLO 1,2